

CHÍNH PHỦ
Số: 65/2003/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH
Về tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu rộng rãi, đa dạng về tư vấn pháp luật của cá nhân, tổ chức, nâng cao ý thức pháp luật và giúp công dân ứng xử theo pháp luật trong quan hệ đời sống hàng ngày; tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động tư vấn pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật mang tính chất xã hội, không nhằm mục đích thu lợi nhuận của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Hoạt động tư vấn pháp luật của luật sư theo quy định của Pháp lệnh luật sư, của Trung tâm trợ giúp pháp lý của nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Hình thức tổ chức và phạm vi hoạt động tư vấn pháp luật

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có đủ điều kiện quy định tại Nghị định này thì được thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật theo quy định của Nghị

định này để thực hiện tư vấn pháp luật miễn phí cho thành viên của tổ chức mình.
Nhà nước khuyến khích Trung tâm tư vấn pháp luật thực hiện tư vấn pháp luật miễn phí cho người nghèo và các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài hoạt động tư vấn pháp luật miễn phí cho các đối tượng quy định tại Nghị định này, Trung tâm tư vấn pháp luật được thu phí từ các đối tượng khác để tự trang trải cho hoạt động của mình theo quy định của Nghị định này.

Điều 3. Quản lý hoạt động tư vấn pháp luật

Quản lý hoạt động tư vấn pháp luật theo quy định tại Nghị định này được thực hiện theo nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước với phát huy vai trò tự quản của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nhằm bảo đảm hoạt động tư vấn pháp luật theo quy định của Nghị định này.

Chương II

TRUNG TÂM TƯ VẤN PHÁP LUẬT

Điều 4. Điều kiện thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp muốn thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có ít nhất 3 tư vấn viên pháp luật có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;

b) Có địa điểm riêng của Trung tâm tư vấn pháp luật để giao dịch và làm việc.

2. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức chủ quản) cấp tỉnh, cấp Trung ương ra quyết định thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật. Quyết định thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật do người đứng đầu tổ chức chủ quản ký và có nội dung chính sau đây:

a) Tên gọi của Trung tâm tư vấn pháp luật;

b) Mục đích, nhiệm vụ của Trung tâm tư vấn pháp luật;

c) Lĩnh vực tư vấn pháp luật;

d) Chế độ tài chính của Trung tâm tư vấn pháp luật.

3. Tên gọi của Trung tâm tư vấn pháp luật phải thể hiện rõ tên gọi của tổ chức chủ quản. Trong trường hợp một tổ chức chủ quản thành lập từ 2 Trung tâm tư vấn pháp luật trở lên, thì tên gọi của các Trung tâm này phải có sự phân biệt với nhau.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm tư vấn pháp luật

1. Trung tâm tư vấn pháp luật có Giám đốc Trung tâm, tư vấn viên pháp luật và nhân viên khác. Bộ máy tổ chức của Trung tâm tư vấn pháp luật do tổ chức chủ quản quyết định.

Trung tâm tư vấn pháp luật được sử dụng cộng tác viên tư vấn pháp luật.

2. Trung tâm tư vấn pháp luật có con dấu để giao dịch.

Việc khắc và sử dụng con dấu của các Trung tâm tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng con dấu.

3. Trung tâm tư vấn pháp luật được đặt chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức chủ quản. Trung tâm tư vấn pháp luật phải chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh.

Điều 6. Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật

1. Trung tâm tư vấn pháp luật đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Tư pháp), nơi đặt trụ sở của tổ chức chủ quản.

Hồ sơ đăng ký hoạt động gồm có:

- a) Đơn đăng ký hoạt động;
- b) Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật;
- c) Điều lệ Trung tâm tư vấn pháp luật do tổ chức chủ quản ban hành;
- d) Quyết định của tổ chức chủ quản về việc cử Giám đốc Trung tâm tư vấn pháp luật;
- đ) Danh sách dự kiến tư vấn viên pháp luật, kèm theo bản sao bằng cử nhân luật, giấy chứng nhận đã được bồi dưỡng kỹ năng tư vấn pháp luật, giấy tờ xác nhận thời gian công tác pháp luật của người được dự kiến;
- e) Giấy tờ xác nhận về địa điểm làm việc của Trung tâm tư vấn pháp luật;
- g) Biểu phí do tổ chức chủ quản quy định căn cứ vào Điều 10 của Nghị định này.

2. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm tư vấn pháp luật; trong trường hợp từ chối, phải thông báo lý do bằng văn bản cho người làm đơn.

3. Khi cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm tư vấn pháp luật, Sở Tư pháp đồng thời cấp Giấy chứng nhận tư vấn viên pháp luật cho người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định này.

Danh sách tư vấn viên pháp luật của Trung tâm tư vấn pháp luật phải được niêm yết tại trụ sở của Trung tâm.

Bộ Tư pháp quy định mẫu Giấy đăng ký hoạt động, Giấy chứng nhận tư vấn viên pháp luật.

4. Trung tâm tư vấn pháp luật được hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động.

Điều 7. Phạm vi hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật

1. Phạm vi tư vấn pháp luật bao gồm các việc sau đây:

- a) Hướng dẫn, giải đáp pháp luật;
- b) Tư vấn soạn thảo đơn, di chúc và các giấy tờ khác;
- c) Tư vấn soạn thảo hợp đồng có giá trị từ 100.000.000 đồng trở xuống;
- d) Cung cấp các văn bản pháp luật, thông tin pháp luật.

Các việc quy định tại khoản này phải do tư vấn viên pháp luật, cộng tác viên tư vấn pháp luật của Trung tâm tư vấn pháp luật thực hiện.

2. Trung tâm tư vấn pháp luật không được nhận thực hiện việc bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo, các đương sự khác trước các cơ quan tiến hành tố tụng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm tư vấn pháp luật

1. Trung tâm tư vấn pháp luật có các quyền sau đây:

- a) Được thực hiện tư vấn pháp luật trong phạm vi quy định tại Điều 7 của Nghị định này;
- b) Được đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nhờ Trung tâm thực hiện

tư vấn;

c) Được kiến nghị với các cơ quan nhà nước hữu quan về những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên tổ chức mình;

d) Được nhận các khoản tài trợ của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài hỗ trợ cho hoạt động tư vấn pháp luật miễn phí theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm tư vấn pháp luật có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân theo các quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện tư vấn pháp luật của tư vấn viên pháp luật, cộng tác viên tư vấn pháp luật của Trung tâm;

c) Báo cáo Sở Tư pháp, nơi đặt trụ sở của Trung tâm, theo định kỳ 6 tháng và hàng năm về tổ chức và hoạt động của Trung tâm; báo cáo tổ chức chủ quản theo quy định của tổ chức đó.

Điều 9. Tư vấn pháp luật miễn phí

Trung tâm tư vấn pháp luật thực hiện tư vấn pháp luật miễn phí cho các đối tượng sau đây:

1. Thành viên của tổ chức chủ quản;

2. Người nghèo, đối tượng chính sách được hưởng trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Điều 10. Tư vấn pháp luật được thu phí

1. Trung tâm tư vấn pháp luật có thể thực hiện tư vấn pháp luật thu phí đối với cá nhân, tổ chức khác ngoài các đối tượng quy định tại Điều 9 của Nghị định này để bù đắp chi phí cần thiết cho hoạt động của Trung tâm.

2. Chi phí cần thiết cho hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật bao gồm:

a) Mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm và tài liệu cần thiết cho hoạt động tư vấn pháp luật;

b) Trả thù lao hoặc phụ cấp cho Giám đốc, tư vấn viên pháp luật, cộng tác viên tư vấn pháp luật và các nhân viên khác;

c) Các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện tư vấn pháp luật.